

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ - ST.

Ngày 17/12/2018.

V/v: “Kiện xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST – HNGĐ ngày 04/12/018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Hà G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang V, sinh năm 1987.

Nơi ĐKNKTT: tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang điều trị nghiện ma túy tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: xóm 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị G, vắng mặt anh V (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Lưu Thị Hà G và anh Lê Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2010 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm và việc kết

hôn của vợ chồng anh chị cũng được hai bên gia đình cho tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, quan điểm sống và lối sống. Ngoài ra, anh V còn mắc nghiện ma túy và còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó mâu thuẫn của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng và bế tắc. Vì vậy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh V được gia đình đưa đi cai nghiện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

- Quan điểm của chị Lưu Thị Hà G: Chị xác định tình cảm dành cho anh V không còn nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Lê Quang V.

- Quan điểm của anh Lê Quang V: Anh công nhận bản thân anh có quá nhiều sai lầm với chị G nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị G nên chị G xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Lê Hà Khánh A, sinh ngày 13/01/2014 (con gái) và cháu Lê Quang M, sinh ngày 19/9/2016 (con trai). Hiện nay đang ở với chị G do chị G nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị G xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Lê Quang V cũng nhất trí trước mắt trong thời gian anh đi cai nghiện anh giao 02 con chung cho chị G nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị G, sau này có điều kiện nuôi con anh sẽ đề nghị sau vì hiện nay anh đang đi cai nghiện, không thể nuôi dưỡng con chung được.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Chị Lưu Thị Hà G vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Còn anh Lê Quang V vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày rõ quan điểm của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lưu Thị Hà G chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: chị G vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/12/2018 không có lý do. Bị đơn anh Lê Quang V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị G với anh V. Xử lý hôn giữa chị G và anh V.

2/ Giao cháu Lê Hà Khánh A, sinh ngày 13/01/2014 và cháu Lê Quang M, sinh ngày 19/9/2016 cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị G và anh V thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Lưu Thị Hà G có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chị Lưu Thị Hà G đang cư trú tại tổ 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh Hà Nam và bị đơn anh Lê Quang V hiện đang cai nghiện tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam tại xóm 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam trong vụ kiện đã có thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý giải quyết việc xin ly hôn. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Hà G và anh Lê Quang V kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2010 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố P, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Hà G và quan điểm của anh Lê Quang V, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã có thời gian hơn 07 năm chung sống hoà thuận và có 02 con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp về quan điểm sống và lối sống. Bản thân anh V không giữ được mình mắc nghiện ma túy và còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018. Tại phiên hoà giải và tại phiên toà hôm nay, Toà án và Hội đồng xét xử đã phân tích và khuyên chị G nên nghĩ lại nhưng chị G vẫn cương quyết xin ly hôn anh V. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị G, anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 02 con chung là Lê Hà Khánh A, sinh ngày 13/01/2014 (con gái) và cháu Lê Quang M, sinh ngày 19/9/2016 (con trai). Hiện nay, các con chung của vợ chồng đang ở với chị G do chị G nuôi dưỡng. Nay chị G và anh V cùng thống nhất giao chị G trực tiếp nuôi cả 02 con chung và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn phù hợp với thực tế và pháp luật. Do đó HĐXX chấp nhận việc giao cả 02 con chung của vợ chồng cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị G và anh V, thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Lưu Thị Hà G phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa: Chị Lưu Thị Hà G và anh Lê Quang V.

2/ Về con chung: Giao chị Lưu Thị Hà G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Lê Hà Khánh A, sinh ngày 13/01/2014 (con gái) và cháu Lê Quang M, sinh ngày 19/9/2016 (con trai). Anh Lê Quang V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lưu Thị Hà G.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lưu Thị Hà G và anh Lê Quang V không có, không đề nghị giải quyết.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị Hà G phải nộp là 300.000đ, chị G được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001918 ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị G đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị G có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh V vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Duy

